

Số: 2440 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu,
huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 178/TTr-BQLDA ngày 26/10/2021; Báo cáo thẩm định số 2251/SGTVT-QLCL ngày 23/11/2021 và Tờ trình số 114/TTr-SGTVT ngày 23/11/2021 của Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng dự án nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương khu vực phía Đông - Nam của tỉnh Bắc Giang; khắc phục tình trạng đi lại khó khăn cho Nhân dân trong vùng; thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển du lịch; tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp của huyện Yên Dũng, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo định hướng quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Dự án xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với điểm đầu (Km0+00) giao với đường ĐH.5B tại Km0+754,51 thuộc địa phận xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng; tuyến đi qua quy hoạch Khu công nghiệp đô thị, dịch vụ Đức Giang và khu công nghiệp đô thị, dịch vụ Đồng Phúc (*đi trùng hướng tuyến đường huyện theo quy hoạch của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang*), tuyến vượt sông Thương (*cách bến phà Đồng Việt khoảng 2,4Km về phía hạ lưu*); điểm cuối (Km8+590) kết nối với đường quy hoạch thuộc địa phận xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*khớp nối với Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với QL.37, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương do UBND tỉnh Hải Dương đầu tư*). Dự án có tổng chiều dài 8,59Km, trong đó phần đường dẫn lên cầu hai bên dài khoảng 7,86Km, công trình cầu Đồng Việt dài khoảng 731,2m. Cụ thể:

- Phần đường dẫn lên cầu: Đầu tư theo quy mô đường cấp II đồng bằng (theo TCVN 4054:2005), tổng chiều dài khoảng 7,86Km, chiều rộng nền đường $B_{nền}=22,50m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=21,50m$ (*bao gồm cả lề gia cố $2 \times 2,50m$ và dải phân cách giữa rộng $1,50m$*); chiều rộng lề đất $B_{lề}=2 \times 0,50=1,0m$; tốc độ thiết kế $V = 100Km/h$. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm. Đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông;

- Phần cầu Đồng Việt: Xây dựng mới công trình cầu vĩnh cửu bằng kết cấu BTCT và BTCT DUỖ, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3}Mpa$; tần suất thiết kế $P=1\%$; tính thông thuyền đảm bảo theo quy định. Chiều dài cầu $L_{cầu}=731,2m$; bề rộng toàn cầu $B_{cầu}=22,50m$, riêng phạm vi dây văng có bề rộng toàn cầu 23,50m. Kết cấu dầm BTCT DUỖ; móng, trụ cầu bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng cầu và hệ thống ATGT.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a) Phần đường dẫn lên cầu:

- *Thiết kế bình đồ*: Bình đồ tuyến được thiết kế đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn của cấp thiết kế; tuyến có điểm đầu (Km0+00) giao với đường ĐH.5B tại Km0+754,51 (đường đang thi công) thuộc địa phận xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng; tuyến đi qua quy hoạch Khu công nghiệp đô thị, dịch vụ Đức Giang và khu công nghiệp đô thị, dịch vụ Đồng Phúc (*đi trùng hướng tuyến đường huyện quy hoạch của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang*); tuyến vượt sông Thương (*cách bến phà Đồng Việt khoảng 2,4Km về phía hạ lưu*); điểm cuối (Km8+590) cách đuôi mố cầu Đồng Việt khoảng 30m, kết nối với đường quy hoạch của thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thuộc địa phận xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*khớp nối với Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với QL.37, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương do UBND tỉnh Hải Dương đầu tư*). Hướng tuyến thiết kế trên cơ sở Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Dũng, định hướng quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Bắc Giang. Bình đồ được thiết kế trên cơ sở phù hợp với điều kiện mặt bằng thực tế, hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng, vượt nối hài hòa với hệ thống đường giao thông hiện trạng và phù hợp với định hướng quy hoạch khu công nghiệp, đô thị hai bên tuyến đường.

- *Thiết kế trắc dọc*: Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hòa với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận; giảm thiểu khối lượng giải phóng mặt bằng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ đường đò đảm bảo yêu cầu về thủy văn tính toán, phù hợp điều kiện địa hình. Các điểm khống chế cao độ gồm cao độ điểm đầu, điểm cuối, nút giao tại Km4+594,39, cao độ thiết kế công trình cầu. Trắc dọc tuyến đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật đường cấp II đồng bằng, phù hợp với tần suất thiết kế $P=2\%$ đối với phần đường dẫn và $P=1\%$ đối với cầu Đồng Việt.

- *Thiết kế trắc ngang*: Thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô đường cấp II đồng bằng (TCVN 4054:2005) với chiều rộng nền đường $B_{nền}=22,5m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=21,5m$ (*bao gồm lề gia cố hai bên $2 \times 2,5m=5,0m$ và chiều rộng dải phân cách $1,5m$*); chiều rộng lề đường $B_{lề}=2 \times 0,5m=1,0m$. Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố $i=2\%$; độ dốc ngang lề đất $i=6\%$; mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1,0.

- *Thiết kế nền đường*: Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối đòi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày trung bình 30-50cm; đất đắp nền được lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Đối với nền đường đào: Tiến hành đào nền, đào khuôn đường đến cao trình thiết kế; lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ (*xáo xới lu lèn hoặc thay bằng đất cấp phối*); 50cm tiếp theo đạt độ chặt $K \geq 0,95$. Những đoạn nền đường đất yếu xử lý bằng giải pháp đào bỏ toàn bộ hoặc một phần và thay bằng vật liệu

thích hợp kết hợp với vải địa kỹ thuật; giải pháp bắc thấm với chiều dài bắc thấm và các giải pháp khác đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- *Thiết kế mặt đường, lề gia cố:* Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160$ Mpa. Kết cấu mặt đường, lề gia cố gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau:

+ Kết cấu mặt đường làm mới: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg}/\text{m}^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 30cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 35cm.

+ Kết cấu mặt đường vượt nối với tuyến ĐH.5B: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg}/\text{m}^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 32cm.

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm.

- *Thiết kế nút giao, đường giao:* Các nút giao trên tuyến thiết kế giao cùng mức; bố trí hệ thống an toàn giao thông, sơn vạch kẻ đường, biển báo, đèn cảnh báo giao thông...; kết cấu mặt đường nút giao như tuyến chính. Toàn tuyến thiết kế 02 nút giao tại Km0+00, Km4+594,39 và các vị trí đường giao hiện trạng (*riêng nút giao với đường cao tốc Nội Bài – Hạ Long tại Km5+580,26 chưa thực hiện đầu tư tại dự án*). Tại các vị trí đường giao thiết kế vượt nối đảm bảo giao thông êm thuận.

- *Thiết kế hệ thống thoát nước:*

+ Thoát nước dọc: Tại các vị trí nền đường đào, đắp thấp thiết kế rãnh dọc hình thang (0,4x0,4x0,4)m để thoát nước dọc; một số kênh mương thủy lợi nằm trong phạm vi xây dựng tuyến đường sẽ được thiết kế hoàn trả theo hiện trạng.

- Thoát nước ngang: Thiết kế các cống thoát nước ngang đảm bảo tiêu thoát nước khu vực và thủy lợi, kết cấu như sau: Cống tròn sử dụng ống cống BTCT lắp ghép D100, D125 và D150cm đúc sẵn trong nhà máy; móng cống BTCT đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BTXM M150 đổ tại chỗ. Cống hộp có khẩu độ 2(BxH)=2x(2,5x2,5)m bằng BTCT đổ tại chỗ trên lớp móng bê tông và đệm đá dăm; tường đầu, tường cánh, móng cống, hố thu bằng BTXM đổ tại chỗ.

- *Hệ thống điện chiếu sáng:* Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng và chiếu sáng mỹ thuật trên cầu Đồng Việt.

+ Hệ thống chiếu sáng trên cầu gồm: Cột đèn chiếu sáng đặt giữa tim cầu, sử dụng là loại cột bát giác côn cao 9m, cần đèn kép cao 2m, độ vươn của cần về phía đường là 1,5m, khoảng cách cột trung bình là 30-35m; sử dụng đèn chiếu sáng đèn LED 150W.

+ Hệ thống chiếu sáng mỹ thuật: Dọc theo hai bên thành cầu sử dụng các đèn LED thanh 32W-RGBW; chiếu sáng các dầm dọc sử dụng đèn LED pha 50W-RGBW đặt dưới bề các trụ cầu chiếu từ dưới lên; chiếu sáng bụng cầu sử dụng các đèn LED pha 135W-RGBW đặt dưới bề các trụ cầu. Hệ thống đèn LED chiếu sáng mỹ thuật sử dụng LED-RGBW phát ánh sáng đa sắc, màu sắc thay đổi theo tín hiệu lập trình từ bộ điều khiển trung tâm đặt tại vị trí mố cầu M1 theo nhiều ý tưởng khác nhau.

+ Hệ thống cáp cấp nguồn cho chiếu sáng giao thông từ trạm biến áp làm mới 160kVA cấp qua tủ điều khiển chiếu sáng đến các bộ đèn. Cáp cấp nguồn từ trạm biến áp tới tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng loại cáp Cu/XLPE/PVC 4x50mm², cáp được luồn trong ống nhựa PVC D100 đi dọc theo lan can cầu; cáp cấp nguồn từ tủ điều khiển chiếu sáng đến các cột đèn sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC 4x25mm² và Cu/XLPE/PVC 4x16mm² được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D65/50 mm, chôn ngầm theo rãnh cáp trên nền đường đắp và luồn trong ống nhựa PVC D100 đặt trong bờ bo lan can cầu.

+ Nguồn điện cấp cho Trạm biến áp (TBA) được lấy từ nguồn điện trung thế cấp cho trạm biến áp hiện có. Xây dựng 01 trạm biến áp cấp điện cho suất trạm 160kVA-35(22)22/0,4kV và đường dây trung thế từ đường dây trung thế hiện có đến TBA mới. Sử dụng cột bê tông ly tâm cao 14m, móng cột BTXM M150, dây dẫn bằng cáp nhôm lõi thép AC70mm². Trạm biến áp treo trên cột bê tông ly tâm cao 12m, móng cột BTXM M150.

- *An toàn giao thông*: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn, vạch phản quang, tôn hộ lan.

b) *Thiết kế cầu Đồng Việt*: Phạm vi thiết kế tính đến đuôi mố từ Km7+831,86 - Km8+563,06, chiều dài phần cầu $L_{\text{cầu}}=731,2\text{m}$ (*tính đến đuôi mố tường cánh*); sơ đồ nhịp 39m + 3x40m + (120+120)m + 7x40m + 39m. Thiết kế cầu BTCT, BTCT DUL; bề rộng mặt cầu $B_{\text{cầu}}=22,50\text{m}$, riêng phạm vi cầu dây văng có bề rộng mặt cầu 23,50m dài 240m; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$; tĩnh không thông thuyền đảm bảo với sông cấp III với $B > 40\text{m}$, $H \geq 7\text{m}$. Tĩnh không vượt qua đường đê đạt $H_{\text{tk}} \geq 4,75\text{m}$. Tần suất thiết kế $P=1\%$. Nhịp chính sử dụng dầm hộp liên tục kết hợp dây văng; nhịp dẫn hai đầu cầu gồm 12 nhịp dầm SuperT bằng BTCT DUL. Mố trụ bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi.

- *Kết cấu phân trên*:

+ *Phần nhịp chính*: Gồm 2 nhịp dây văng đối xứng (120+120)m dầm hộp (4 vách) kết hợp căng kéo dây văng. Mặt cắt ngang cầu chính rộng 23,5m.

+ Phần nhịp dẫn phía Bắc Giang: Gồm 4 nhịp dầm SuperT, mặt cắt ngang gồm 10 phiến dầm, khoảng cách dầm 2,25m, chiều cao dầm 1,75m, bản mặt cầu bằng BTCT đổ tại chỗ.

+ Phần nhịp dẫn phía Hải Dương: Gồm 8 nhịp dầm SuperT, mặt cắt ngang gồm 10 phiến dầm, khoảng cách dầm 2,25m, chiều cao dầm 1,75m, bản mặt cầu bằng BTCT đổ tại chỗ.

+ Lớp phủ mặt cầu bằng BTNC19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5Kg/m² và lớp phòng nước dạng phun; độ dốc ngang mặt cầu 2%. Gờ chắn, bản dẫn bằng BTCT đổ tại chỗ. Lan can và cột lan can bằng thép mạ kẽm; gờ cầu dùng gờ chậu, khe co giãn thép dạng răng lược.

- Kết cấu phần dưới: Mố dạng tường, hình chữ U, bằng BTCT đổ tại chỗ trên nền móng cọc khoan nhồi BTCT đường kính D1500mm. Các trụ dẫn, trụ chuyển tiếp phần cầu dây văng bằng BTCT đổ tại chỗ, thân trụ dạng cột, trên nền móng cọc khoan nhồi BTCT 30Mpa đường kính D1500mm. Trụ tháp cầu dây văng bằng BTCT 45Mpa đổ tại chỗ trên nền móng cọc khoan nhồi BTCT 30Mpa đường kính D2000mm.

- Kết cấu khác: Tứ nón, chân khay gia cố bằng kết cấu BTXM; gia cố kè mái bờ sông bằng kết cấu khung bê tông cốt thép, kết hợp gia cố chống xói.

- Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn kỹ thuật và Kiến trúc công trình giao thông (A-ETC) và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTVT (TRICC).

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 32ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp I.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 15 năm đối với mặt đường BTN (mặt đường cấp cao A1 – TCVN 211-06); 100 năm đối với các công trình cầu (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;

- Công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;
- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXDVN 104:2007;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-1:2017 ÷ TCVN 11823-14:2017;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu dây văng: Recommendations for stay cable design, testing and installation (Post-Tensioning Institute - PTI) / Khuyến nghị cho thiết kế, thử nghiệm và lắp đặt dây văng (Viện Dự ứng lực PTI của Mỹ) PTI DC45.1-12; Acceptance of stay cable systems using prestressing steels (International Federation for Structural Concrete) / Nghiệm thu hệ thống cáp văng sử dụng thép dự ứng lực (Hiệp hội kết cấu bê tông quốc tế - Thuy Sỹ) FIB Bulletin No. 30.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;
- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;
- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Lốp móng CPDD trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;
- Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử TCVN 8818:2011
- Mặt đường BTN nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011;
- Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall TCVN 8820:2011
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 1.492.478.915.000 đồng (Một nghìn, bốn trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 115.911.693.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 1.103.916.844.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 11.999.576.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 33.819.944.000 đồng;
- Chi phí khác: 38.660.442.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 188.170.416.000 đồng;

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh, trái phiếu Chính quyền địa phương.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 2251/SGTVT-QLCL ngày 23/11/2021 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
 - + Lưu: VT, KTN^{Hiệu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích